

Số: 09/2024/QĐST-VDS

Lục Nam, ngày 18 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 06/2024/TLST- VDS ngày 03 tháng 10 năm 2024, về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp số 06/2024/QĐST- VDS ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Anh Giáp Văn N, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Vũ Văn M, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

+ Công ty cổ phần T1; địa chỉ: Lô C, 4 cụm C, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Giáp Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu và lời khai có trong hồ sơ, người yêu cầu là anh Giáp Văn N trình bày:

Anh và anh Vũ Văn M có mối quan hệ họ hàng. Năm 2013, do anh Vũ Văn M chưa đủ tuổi lao động nên anh đã cho anh M mượn chứng minh nhân dân có họ tên và ngày, tháng, năm sinh của anh để anh M làm hồ sơ đi làm tại công ty. Sau khi mượn chứng minh nhân dân của anh thì anh M đã ký hợp đồng lao động số 13575 tại Công ty cổ phần T1, thời gian làm việc từ ngày 25/12/2013 đến ngày 25/12/2014 với chức vụ là công nhân. Trong thời gian làm việc tại Công ty cổ phần T1 thì anh M đã sử dụng tên của anh để đóng bảo hiểm xã hội. Anh M làm

việc tại Công ty cổ phần T1 trong thời gian 12 tháng thì xin nghỉ việc. Ngày 25/12/2012 thì Công ty cổ phần T1 đã cho anh M thôi việc theo Quyết định số 13575/QĐ-CT về việc chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 25/12/2014.

Trong thời gian làm công nhân tại công ty, anh M đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được cấp sổ bảo hiểm số 2414002136 nhưng lấy tên của anh là Giáp Văn N. Thời gian anh M đóng bảo hiểm tại Công ty cổ phần T1 LNG là 01 năm 01 tháng, từ ngày 26/11/2013 đến ngày 25/12/2014.

Trong thời gian anh M sử dụng thông tin của anh N để lao động tại Công ty cổ phần T1 thì anh N đã ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần X để làm công nhân.

Nay anh M đã thôi việc tại Công ty cổ phần T1, còn anh N vẫn đang đi làm và đóng bảo hiểm xã hội. Việc anh M đóng bảo hiểm trong thời gian làm việc tại Công ty cổ phần T1 ảnh hưởng đến quá trình đóng bảo hiểm của anh N nên anh N đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 13575 giữa Công ty cổ phần T1 LNG với người lao động mang tên Giáp Văn N vô hiệu.

Ngoài ra, anh Giáp Văn N không còn ý kiến nào khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn M trình bày:* Anh và anh M có mối quan hệ là anh em với nhau, năm 2013 do chưa đủ tuổi đi làm công ty nên anh đã mượn chứng minh nhân dân của anh Giáp Văn N và có ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần T1. Tôi và Công ty cổ phần T1 LNG có ký hợp đồng lao động số 13575 từ ngày 25/12/2013 đến ngày 25/12/2014. Trong thời gian làm việc tại Công ty tôi được Công ty cho đóng bảo hiểm xã hội với số sổ là 2414002136.

Nay, anh Giáp Văn N đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 13575 giữa Công ty cổ phần T1 LNG với người lao động mang tên Giáp Văn N vô hiệu thì tôi đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, anh Vũ Văn M không còn ý kiến nào khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần T1 trình bày:* Ngày 25/12/2013, Công ty CP T1 ký hợp đồng lao động số 13575 với người lao động mang tên Giáp Văn N, sinh ngày 30/3/1995, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có số Chứng minh nhân dân: 122156701. Người lao động mang tên Giáp Văn N lao động tại Công ty CP T1 trong thời gian 01 năm 01 tháng (từ 26/11/2013 đến 25/12/2014). Sau đó, người lao động xin thôi việc được Công ty CP T1 LNG cho thôi việc theo quyết định số 13573/QĐ-Cty ngày 25/12/2014. Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2014 đến hết tháng 12/2014 số sổ bảo hiểm xã hội 2414002136. Công ty đã chốt quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm cho người lao động mang tên Giáp Văn N.

Hiện tại, Công ty CP T1 và người lao động mang tên Giáp Văn N đã giải quyết hết các quyền và nghĩa vụ, không có tranh chấp gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Công ty cổ phần T1 LNG không còn ý kiến nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Thư ký phiên họp: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên họp hôm nay Thẩm phán và Thư ký phiên họp đã chấp hành đúng quy định tại Điều 367 đến Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm ra quyết định giải quyết việc dân sự, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 122; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 1, 2, 3 Điều 50; Điều 51, Điều 52 Bộ luật lao động năm 2012; Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm v khoản 2 Điều 39; điểm g, khoản 1 Điều 40; Điều 149; Điều 361 BLTTDS; Điều 36, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Giáp Văn N: Tuyên bố Hợp đồng lao động số 13575 giữa Công ty cổ phần T1 LNG với người lao động mang tên Giáp Văn N vô hiệu.

Về lệ phí: Anh Giáp Văn N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Giáp Văn N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 25/12/2013 người lao động và Công ty cổ phần T1 đã ký hợp đồng lao động tại trụ sở công ty thuộc thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

Tại phiên họp, người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp giải quyết yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo đơn yêu cầu của anh Giáp Văn N.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của anh Giáp Văn N đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa anh Giáp Văn N (do anh Vũ Văn M ký) với Công ty cổ phần T1 LNG trong thời gian từ ngày 25/12/2013 đến ngày 25/12/2014 là vô hiệu thì thấy:

[2.1] Do có mối quan hệ họ hàng nên ngày 25/12/2013 anh Vũ Văn M có mượn thông tin cá nhân của anh Giáp Văn N để thực hiện giao kết hợp đồng với Công

ty cổ phần T1 LNG theo hợp đồng lao động số 13575, ký ngày 25/12/2013, thời gian lao động đến 25/12/2014 thì chấm dứt hợp đồng lao động.

[2.2] Theo văn bản số 1767/LĐTBOXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và B hướng dẫn về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động thì thấy: Việc anh Vũ Văn M mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của anh Giáp Văn N để ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần T1 là hành vi, vi phạm nguyên tắc “*trung thực*” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của anh Giáp Văn N là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận.

[2.3] Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2, Điều 52 Luật lao động năm 2012; Điều 11, Nghị định 43/2013/NĐ - CP; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ thì “*Cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn các bên ký lại*”. Tuy nhiên, Hợp đồng lao động giữa anh Vũ Văn M (ký dưới tên anh Giáp Văn N) và Công ty cổ phần T1 đã chấm dứt từ ngày 25/12/2014 các bên đã giải quyết hết các quyền và nghĩa vụ giữa chủ sử dụng lao động và người lao động, mặt khác đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh Giáp Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh N đã nộp tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 50; khoản 2 Điều 52 Luật lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16; điểm b, khoản 1 Điều 49; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Giáp Văn N, tuyên bố hợp đồng lao động số số 13575 ngày 25/12/2013 giữa anh Giáp Văn N với Công ty cổ phần T1 vô hiệu.

2. Về lệ phí: Anh Giáp Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008419 ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận anh Giáp Văn N đã nộp đủ lệ phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Ngọc Oanh